

Số: 211/2022/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày 07 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách về công tác dân số ở cơ sở
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 06/2003/PL-UBTVQH11 ngày 09 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dân số; Pháp lệnh số 08/2008/UBTVQH12 ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh dân số;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn một số nội dung để địa phương ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của Cộng tác viên dân số;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BYT ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

Xét Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định một số chính sách về công tác dân số ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 382/BC-BPC ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định số lượng, mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với Cộng tác viên dân số tại thôn, tổ dân phố (gọi chung là Cộng tác viên dân số thôn) và một số chính sách khuyến khích, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thôn, tổ dân phố (gọi chung là thôn); xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) thực hiện tốt công tác dân số.

b) Cộng tác viên dân số thôn; Nhân viên y tế thôn; phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện tốt chính sách dân số.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác dân số ở cơ sở.

Điều 2. Quy định về số lượng, mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với Cộng tác viên dân số thôn

1. Số lượng Cộng tác viên dân số thôn

Thôn có từ 250 hộ dân cư trở xuống được bố trí 01 Cộng tác viên dân số.

Thôn có trên 250 hộ dân cư thì cứ thêm 250 hộ dân cư được bố trí thêm 01 Cộng tác viên dân số; mỗi thôn bố trí không quá 04 Cộng tác viên dân số.

Mỗi thôn đảm bảo bố trí 01 Cộng tác viên dân số do Nhân viên y tế thôn kiêm nhiệm.

Đối với các thôn được bố trí từ 2 Cộng tác viên dân số trở lên, căn cứ tình hình thực tiễn tại địa phương, ưu tiên bố trí người trực tiếp tham gia công việc ở thôn (có đủ điều kiện, tiêu chuẩn của Cộng tác viên dân số theo quy định) kiêm nhiệm và người đang trong thời gian được phân công làm Cộng tác viên dân số tại thôn.

2. Mức chi bồi dưỡng: 300.000 đồng/Cộng tác viên/tháng.

Điều 3. Quy định về một số nội dung chi và mức chi khuyến khích, hỗ trợ, khen thưởng

1. Cá nhân

a) Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã có đủ 02 (hai) con và tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn (triệt sản, đặt dụng cụ tử cung, cấy thuốc tránh thai) được khuyến khích, hỗ trợ 100.000 đồng/người.